

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST

Ngày: 07-3-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sầm

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 454/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N (A)**. Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Ông M và ông C xin vắng mặt tại phiên tòa; bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N và tại bản tự khai ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ông Nguyễn Văn C có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng 7103-LAV-202201028 ngày 28/03/2022 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số giải ngân: 7103-LDS-202302123 ngày 11/04/2023, cụ thể:

+ Số tiền vay là 200.000.000 đồng. Ngày vay: 11/04/2023.

+ Kỳ hạn trả nợ: 01 kỳ, Kỳ 1 ngày 10/04/2024 trả gốc: 200.000.000 đồng.

+ Mục đích vay: Chăn nuôi bò.

+ Lãi suất vay: 9,5% năm, áp dụng lãi suất thả nổi. Lãi suất quá hạn: 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận.

- Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103205113916 ngày 20/03/2023 số tiền vay: 30.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt thì Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay đúng theo Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201028 ngày 28/03/2022 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103205113916 ngày 20/03/2023 đã ký.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Nghị định 55/2015/NĐ-CP), khách hàng vay phải nộp cho tổ chức tín dụng cho vay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản ngày 25/03/2022.

Đến kỳ hạn trả nợ gốc ngày 10/04/2024 số tiền 200.000.000 đồng, ông C không trả được. Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đến nhà yêu cầu ông C, bà T thanh toán nợ. Ông C và bà T có cam kết trả nợ nhưng không thực hiện được, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng. Ông C đã vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt do vi phạm thỏa thuận trả nợ. Tạm tính đến ngày 13/11/2024, ông C còn nợ tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M số tiền cụ thể là: Số tiền gốc: 200.000.000 đồng; số tiền lãi trong hạn: 18.013.698 đồng; Lãi quá hạn: 5.053.425 đồng; Dư nợ thẻ Lộc Việt: 30.000.000 đồng, lãi: 4.295.398 đồng.

Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2024 là 257.362.521 đồng, trong đó số tiền gốc: 230.000.000 đồng, số tiền lãi: 27.362.521 đồng; tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt nêu trên từ ngày 14/11/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BL791641 số vào sổ: CH00205 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 02/10/2012 đối với thửa đất số 335, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, Diện tích: 2.010 m² khi ông C, bà T trả tất khoản nợ nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2024 bị đơn Nguyễn Văn C trình bày:

Ông C thống nhất với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng N, đồng ý cùng vợ là bà Nguyễn Thị T liên đới nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2024 là 257.362.521 đồng, trong đó số tiền gốc: 230.000.000 đồng, số tiền lãi: 27.362.521 đồng và tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt từ ngày 14/11/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Khi nào thanh toán tất nợ thì đề nghị Ngân hàng trả lại cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 335, tờ bản đồ số 01, tọa lạc xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện M cấp quyền sử dụng cho ông và bà Nguyễn Thị T ngày 02/10/2012.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bà T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cà Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể:

Ông C và bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N (A) tổng số tiền tính đến ngày 13/11/2024 là 257.362.521 đồng, trong đó số tiền gốc là 230.000.000 đồng, số tiền lãi là 27.362.521 đồng.

Kể từ ngày 14/11/2024 đến khi thi hành án xong, ông C và bà T còn phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202201028 28/03/2022, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202302123 ngày 11/04/2023 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103205113916 ngày 20/03/2023 đã ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M với ông Nguyễn Văn C.

Ngân hàng N có trách nhiệm giao trả cho ông C và bà T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 335, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: Xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 02/10/2012 cho ông C và bà T, khi ông C và bà T thanh toán xong các khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Nguyễn Văn C thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T không có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là vụ án dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Văn C có địa chỉ nơi cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn Nguyễn Văn C có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng N, ông C và bà T theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ vay:

Ngân hàng N yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2024 là: 257.362.521 đồng, trong đó số tiền gốc: 230.000.000 đồng, số tiền lãi: 27.362.521 đồng. Tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt từ ngày 14 tháng 11 năm 2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện Ngân hàng cung cấp tài liệu chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số: 7103-LAV-202201028 được ký kết ngày ngày 28/03/2022 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M với ông Nguyễn Văn C; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202302123 ngày 11/04/2023 giữa Bên cho vay Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M với Bên vay ông Nguyễn Văn C; Hợp đồng uỷ quyền giữa Bên uỷ quyền Nguyễn Thị T với Bên được uỷ quyền Nguyễn Văn C chứng thực ngày 25/3/2022; Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103205113916 ngày 20/03/2023. Theo Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202302123 ngày 11/04/2023 thì số tiền vay là 200.000.000 đồng, ngày vay là 11/04/2023, kỳ hạn trả nợ là 01 kỳ, kỳ 1 vào ngày 10/04/2024 trả nợ gốc là

200.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi bò, lãi suất vay là 9,5% năm, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn là 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận. Theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103205113916 ngày 20/03/2023 thì số tiền vay theo hạn mức là 30.000.000 đồng. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay đúng theo Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201028 ngày 28/03/2022 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103205113916 ngày 20/03/2023 mà hai bên đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn C trình bày thống nhất với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng N, đồng ý cùng vợ là bà Nguyễn Thị T liên đới nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/11/2024 là: 257.362.521 đồng, trong đó số tiền gốc: 230.000.000 đồng, số tiền lãi: 27.362.521 đồng và tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt từ ngày 14/11/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện của Ngân hàng cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện theo quy định; Toà án cũng đã triệu tập bà Nguyễn Thị T nhiều lần để tiến hành hoà giải, ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà Nguyễn Thị T không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, bà Nguyễn Thị T cũng không có văn bản nào gửi Toà án thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 13/11/2024 là 257.362.521 đồng, trong đó số tiền gốc là 230.000.000 đồng, số tiền lãi là 27.362.521 đồng và tiền lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc V1 kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Ngân hàng đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BL791641 số vào sổ: CH00205 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 02/10/2012 đối với thửa đất số 335, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre, Diện tích: 2.010 m² khi ông C, bà T trả tất khoản nợ nay nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông C và bà T có đơn xin miễn án phí với lý do ông, bà là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho ông C và bà T theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 227, 228, 235, 238, 254, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, cụ thể :

1. Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N (A) tổng số tiền tính đến ngày 13/11/2024 là 257.362.521 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm hai mươi một đồng), trong đó số tiền gốc là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), số tiền lãi là 27.362.521 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm hai mươi một đồng).

2. Kể từ ngày 14/11/2024 đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T còn phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-202201028 được ký kết ngày 28/03/2022 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M với ông Nguyễn Văn C, Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 7103-LDS-202302123 ngày 11/04/2023 giữa Bên cho vay Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M với Bên vay ông Nguyễn Văn C, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Lộc Việt số 7103205113916 ngày 20/03/2023 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M với ông Nguyễn Văn C.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BL791641, sổ vào sổ cấp GCN: CH00205 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 02/10/2012 cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 335, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: Xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 6.434.000 đồng (sáu triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0005009 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho Ngân hàng N.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(3b) ;
- TAND tỉnh B ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(4b) TC:10b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

